

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
CẢNG ĐỒNG NAI**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2017



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI**

1B-D3, Khu phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân,  
TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

---

**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2017	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017	8
Thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc	9 – 29



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI**

1B-D3, Khu phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân,  
TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2017

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Trần Thanh Hải	Chủ tịch
Ông Đỗ Văn Sâm	Phó Chủ tịch
Ông Huỳnh Ngọc Tuấn	Thành viên
Ông Phan Trọng Dũng	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Lê Thị Bích Loan	Trưởng ban
Bà Hoàng Thị Thu Thủy	Thành viên
Ông Võ Văn Minh	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Văn Sâm	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Nguyên	Phó Tổng Giám đốc

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI**

1B-D3, Khu phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân,  
TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2017

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên của RSM Quốc tế.

**CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc 



**Nguyễn Ngọc Tuấn**  
**Tổng Giám đốc**

Đồng Nai, ngày 14 tháng 8 năm 2017



Số: 18.125/BCSX-RSM HCM

**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kính gửi: **Các thành viên Hội đồng Quản trị**  
**Các thành viên Ban Tổng Giám đốc**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai, được lập ngày 14 tháng 8 năm 2017, từ trang 5 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

*(Xem trang tiếp theo)*

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

### *Kết luận của kiểm toán viên*

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

### *Vấn đề cần nhấn mạnh*

Chúng tôi lưu ý người đọc báo cáo đến mục 2.5 trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017 về việc các khoản nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn của Công ty là 31.098.394.842 VND. Đây là dấu hiệu cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Nguyên nhân chính của việc các khoản nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn chủ yếu là do việc trình bày lại các khoản vay dài hạn đến hạn trả sang ngắn hạn. Vào ngày phát hành báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin rằng Công ty vẫn tiếp tục hoạt động liên tục trong vòng 12 tháng tới kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán. Do vậy, các báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017 vẫn được soạn thảo trên cơ sở Công ty tiếp tục hoạt động liên tục.

**K.T. TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Lục Thị Vân**  
**Phó Tổng giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:  
0172-2016-026-1

**Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam**  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2017

*Như đã trình bày tại mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc, báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.*



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 30/06/2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2017	Tại ngày 01/01/2017
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>161.297.229.464</b>	<b>162.575.605.728</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	4.1	<b>100.799.869.728</b>	<b>100.339.683.639</b>
1. Tiền	111		84.728.941.071	84.268.754.982
2. Các khoản tương đương tiền	112		16.070.928.657	16.070.928.657
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>60.235.680.288</b>	<b>61.806.802.294</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	59.640.179.518	60.783.522.326
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.367.693.855	3.589.520.333
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		809.551.698	694.339.534
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.4	(2.581.744.783)	(3.260.579.899)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>114.002.814</b>	<b>137.086.744</b>
1. Hàng tồn kho	141		114.002.814	137.086.744
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>147.676.633</b>	<b>292.033.051</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.8	147.676.633	292.033.051
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>589.208.886.290</b>	<b>569.550.518.916</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>423.323.113.296</b>	<b>412.577.555.822</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.6	421.669.433.347	410.708.489.337
Nguyên giá	222		641.068.735.048	613.053.082.159
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(219.399.301.701)	(202.344.592.822)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.7	1.653.679.949	1.869.066.485
Nguyên giá	228		4.361.601.314	4.361.601.314
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.707.921.365)	(2.492.534.829)
<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>116.553.061.864</b>	<b>107.411.978.400</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.5	116.553.061.864	107.411.978.400
<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>22.165.000.000</b>	<b>22.165.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	4.2	15.165.000.000	15.165.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	4.2	7.000.000.000	7.000.000.000
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>27.167.711.130</b>	<b>27.395.984.694</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.8	27.167.711.130	27.395.984.694
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>750.506.115.754</b>	<b>732.126.124.644</b>

(Xem trang tiếp theo)

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

Tại ngày 30/06/2017

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2017	Tại ngày 01/01/2017
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>369.866.817.028</b>	<b>358.707.228.521</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>192.395.624.306</b>	<b>181.285.907.719</b>
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	4.9	43.635.342.232	42.125.928.772
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		555.401.212	333.027.533
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.10	3.901.890.495	1.775.926.003
4. Phải trả người lao động	314	4.11	12.362.627.375	12.260.256.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		3.745.215.785	1.769.723.995
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		1.942.081.422	1.790.096.660
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.12	4.367.377.397	2.826.983.998
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.13	97.759.975.171	104.558.979.601
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	4.14	17.105.600.000	7.924.000.000
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		7.020.113.217	5.920.985.157
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>177.471.192.722</b>	<b>177.421.320.802</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	4.12	23.541.590.222	17.881.014.325
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.13	153.929.602.500	159.540.306.477
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>380.639.298.726</b>	<b>373.418.896.123</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	4.15	<b>380.639.298.726</b>	<b>373.418.896.123</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	4.15.2	123.479.870.000	123.479.870.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		123.479.870.000	123.479.870.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		74.434.806.545	74.434.806.545
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	4.15.5	131.680.884.738	128.316.318.434
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	4.15.5	7.752.120.803	7.752.120.803
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		43.291.616.640	39.435.780.341
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		1.597.160.819	2.871.088.723
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		41.694.455.821	36.564.691.618
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>750.506.115.754</b>	<b>732.126.124.644</b>



Nguyễn Ngọc Tuấn  
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 14 tháng 8 năm 2017

Huỳnh Ngọc Tuấn  
Kế toán trưởng

Vũ Thị Quỳnh Trang  
Người lập biểu



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	4.17	241.554.435.685	186.416.699.047
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		241.554.435.685	186.416.699.047
3. Giá vốn hàng bán	11	4.18	165.523.297.745	125.855.056.546
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		76.031.137.940	60.561.642.501
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	4.19	2.667.180.683	1.929.600.001
6. Chi phí tài chính	22	4.20	8.590.552.813	10.023.507.717
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		8.590.420.383	9.934.317.717
7. Chi phí bán hàng	25	4.21	5.696.834.891	5.093.607.435
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	4.22	18.625.786.181	15.165.688.774
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		45.785.144.738	32.208.438.576
10. Thu nhập khác	31		483.682.264	324.686.591
11. Chi phí khác	32		89.017.402	43.496.356
12. Lợi nhuận khác	40		394.664.862	281.190.235
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		46.179.809.600	32.489.628.811
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	4.24	4.485.353.779	1.684.365.964
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		41.694.455.821	30.805.262.847
16. Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.15.4	2.971	2.329



Nguyễn Ngọc Tuấn

Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 14 tháng 8 năm 2017

Huỳnh Ngọc Tuấn

Kế toán trưởng

Vũ Thị Quỳnh Trang

Người lập biểu

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		46.179.809.600	32.489.628.811
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	4.23	18.094.751.668	15.084.523.118
Các khoản dự phòng	03	4.23	(678.835.116)	349.749.379
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.932.180.683)	(1.790.303.295)
Chi phí lãi vay	06	4.20	8.590.420.383	9.934.317.717
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		<b>69.253.965.852</b>	<b>56.067.915.730</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		2.292.790.455	(21.073.511.358)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		23.083.930	349.095.552
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		25.397.374.497	40.411.832.577
Tăng giảm chi phí trả trước	12		372.629.982	(13.000.225.089)
Tiền lãi vay đã trả	14		(8.713.789.109)	(9.934.317.717)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.10	(2.754.960.286)	(1.667.196.655)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		21.175.000	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(2.526.132.658)	(3.626.637.251)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		<b>83.366.137.663</b>	<b>47.526.955.789</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(42.611.714.066)	(44.711.607.071)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		291.500.000	-
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	900.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.624.347.349	1.790.303.295
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		<b>(39.695.866.717)</b>	<b>(42.021.303.776)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33	4.25	95.003.920.917	72.611.668.044
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	4.26	(107.413.629.324)	(71.015.088.605)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(30.800.376.450)	(20.905.314.775)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		<b>(43.210.084.857)</b>	<b>(19.308.735.336)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ</b> (50 = 20+30+40)	50		<b>460.186.089</b>	<b>(13.803.083.323)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		100.339.683.639	57.423.882.727
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ</b> (70 = 50+60+61)	70	4.1	<b>100.799.869.728</b>	<b>43.620.799.404</b>

Nguyễn Ngọc Tuấn  
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 14 tháng 8 năm 2017

Huyền Ngọc Tuấn  
Kế toán trưởng

Vũ Thị Quỳnh Trang  
Người lập biểu



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### 1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là một doanh nghiệp Nhà nước. Ngày 24 tháng 08 năm 2005, Công ty được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600334112 ngày 04 tháng 01 năm 2006 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Đồng Nai cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 19 tháng 03 năm 2016.

Ngày 04 tháng 08 năm 2011, Công ty chính thức được cấp phép đăng ký giao dịch chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 118/2011/QĐ-SGDHCM ngày 04 tháng 08 năm 2011 của Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 26 tháng 10 năm 2011, Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Thông báo số 867/2011/TB-SGDHCM ngày 12 tháng 10 năm 2011 của Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 123.479.870.000 VND, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Quốc gia	Tại ngày 30/06/2017		Tại ngày 01/01/2017	
		Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Phát Triển Khu Công Nghiệp	Việt Nam	62.974.800.000	51%	62.974.800.000	51%
Công ty Cổ phần Chứng Khoán Sài Gòn	Việt Nam	24.671.510.000	20%	24.671.510.000	20%
Quỹ Đầu Tư Phát Triển Tỉnh Đồng Nai	Việt Nam	4.625.040.000	4%	4.625.040.000	4%
Các cổ đồng khác	Việt Nam	31.208.520.000	25%	31.208.520.000	25%
<b>Cộng</b>		<b>123.479.870.000</b>	<b>100%</b>	<b>123.479.870.000</b>	<b>100%</b>

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 1B-D3, Khu phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 là 265 (31 tháng 12 năm 2016 là: 257).

#### 1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh dịch vụ cảng biển.

#### 1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Bốc xếp hàng hóa (Chi tiết: Bốc xếp hàng hóa cảng biển);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (Chi tiết: Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan);
- Bán buôn nông lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Chi tiết: Bán buôn thóc, ngô và các loại ngũ cốc khác, bán buôn nông, lâm sản, nguyên liệu khác (trừ gỗ, tre, nứa));



## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) (Chi tiết: Vận tải hành khách bằng taxi);
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (Chi tiết: Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi);
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Vận tải hàng hóa đường sắt (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật);
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).

### **2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

#### **2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

#### **2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

#### **2.3. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

#### **2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

#### **2.5. Giả định hoạt động liên tục**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, các khoản nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn của Công ty là 31.098.394.842 VND. Nguyên nhân chính của việc các khoản nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn chủ yếu là do việc trình bày lại các khoản vay dài hạn đến hạn trả sang ngắn hạn. Vào ngày phát hành báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin rằng Công ty vẫn tiếp tục hoạt động liên tục trong vòng 12 tháng tới kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán. Do vậy, các báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017 vẫn được soạn thảo trên cơ sở Công ty tiếp tục hoạt động liên tục.

### **3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Các chính sách kế toán áp dụng để lập báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017 thống nhất với các chính sách kế toán đã áp dụng để lập báo cáo tài chính năm 2016.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**4. CÁC SỰ KIỆN HOẶC GIAO DỊCH TRỌNG YẾU TRONG KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

**4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Tiền mặt	51.220.848	143.546.563
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	84.677.720.223	84.125.208.419
Các khoản tương đương tiền	16.070.928.657	16.070.928.657
<b>Cộng</b>	<b>100.799.869.728</b>	<b>100.339.683.639</b>

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng với lãi suất từ 5%/năm đến 5,2%/năm của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội.

*(Xem trang tiếp theo)*

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**4.2. Đầu tư tài chính dài hạn**

Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết và đơn vị khác được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2017		Tại ngày 01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc
				Dự phòng
				VND
Đầu tư vào công ty liên kết:				
Công ty Cổ phần Cảng Long Thành <sup>(a)</sup>	1.665.000.000	-	(*)	1.665.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Đồng Nai <sup>(b)</sup>	13.500.000.000	-	(*)	13.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>15.165.000.000</b>	<b>-</b>		<b>15.165.000.000</b>
Đầu tư vào đơn vị khác:				
Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức <sup>(c)</sup>	7.000.000.000	-	(*)	7.000.000.000

(a) Khoản đầu tư này chiếm 30% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Cảng Long Thành, một công ty thành lập và hoạt động tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Cảng Long Thành là: kinh doanh khai thác cầu cảng, khai thác kho tàng bến bãi, bốc xếp và vận tải hàng hóa bằng ô tô trong và ngoài cảng và các dịch vụ của ngành hàng hải, dịch vụ sửa chữa phương tiện bốc xếp, vận tải, tàu lai dắt, vận chuyển hàng hóa đường thủy, đường bộ, cung cấp nhiên liệu (xăng, dầu, dầu nhớt các loại), đại lý và dịch vụ khai thác hàng hải.

(b) Khoản đầu tư này chiếm 45% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Đồng Nai, một công ty thành lập và hoạt động tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Đồng Nai là: cho thuê máy móc thiết bị xây dựng, cho thuê container, kho bãi và lưu giữ hàng hóa, xây dựng công trình công nghiệp, đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, đường hầm, nạo vét sông.

(c) Khoản đầu tư này chiếm 0,7% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức, một công ty thành lập và hoạt động tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức là cho thuê đất và mặt bằng, tư vấn thiết kế, quy hoạch, lập dự án đầu tư, tư vấn quản lý dự án, giám sát, thẩm định, kiểm định công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, kinh doanh công trình kết cấu hạ tầng.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

(\*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Phải thu của khách hàng cung cấp dịch vụ		
Ban Quản Lý Dự Án Tổ Hợp Bauxit - Nhôm Lâm Đồng	2.541.252.197	7.233.665.693
Maersk Line A/S	3.559.080.400	6.504.362.000
Công ty TNHH Cảng Quốc Tế Tân Cảng - Cái Mép	4.534.837.500	4.607.752.500
Ban Quản Lý Dự Án Nhà Máy Alumina Nhân Cơ – Vinacomin	3.244.196.752	-
Các khách hàng khác	45.691.669.669	42.349.588.672
Phải thu khách hàng là các bên liên quan – Xem thêm mục 4.28	69.143.000	88.153.461
<b>Cộng</b>	<b>59.640.179.518</b>	<b>60.783.522.326</b>

**4.4. Nợ xấu**

	Tại ngày 30/06/2017 VND		Tại ngày 01/01/2017 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán	3.369.754.485	788.009.702	5.032.870.084	1.772.290.185
<b>Cộng</b>	<b>3.369.754.485</b>	<b>788.009.702</b>	<b>5.032.870.084</b>	<b>1.772.290.185</b>

Các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

**4.5. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Chi phí đền bù mở rộng cảng Đồng Nai giai đoạn 2 (9 ha)	60.337.814.525	60.117.303.525
Chi phí đầu tư hạ tầng khu tái định cư	27.054.453.800	27.054.453.800
Chi phí đền bù mở rộng cảng Đồng Nai giai đoạn 2B	26.489.946.000	17.627.129.536
Các dự án khác	2.670.847.539	2.613.091.539
<b>Cộng</b>	<b>116.553.061.864</b>	<b>107.411.978.400</b>

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

## 4.6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá:						
Tại ngày 01/01/2017	460.232.686.438	94.162.789.070	46.887.389.370	6.175.314.828	5.594.902.453	613.053.082.159
Mua trong kỳ	-	1.013.210.303	3.900.987.353	175.120.000	94.500.000	5.183.817.656
Đầu tư XDCB hoàn thành	23.656.491.486	-	-	-	-	23.656.491.486
Thanh lý	-	(71.017.143)	(753.639.110)	-	-	(824.656.253)
<b>Tại ngày 30/06/2017</b>	<b>483.889.177.924</b>	<b>95.104.982.230</b>	<b>50.034.737.613</b>	<b>6.350.434.828</b>	<b>5.689.402.453</b>	<b>641.068.735.048</b>
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Tại ngày 01/01/2017	150.275.899.757	19.810.077.738	26.908.535.780	3.251.331.408	2.098.748.139	202.344.592.822
Khấu hao trong kỳ	11.252.607.086	3.345.025.956	2.251.628.540	442.703.273	587.400.277	17.879.365.132
Thanh lý	-	(71.017.143)	(753.639.110)	-	-	(824.656.253)
<b>Tại ngày 30/06/2017</b>	<b>161.528.506.843</b>	<b>23.084.086.551</b>	<b>28.406.525.210</b>	<b>3.694.034.681</b>	<b>2.686.148.416</b>	<b>219.399.301.701</b>
Giá trị còn lại:						
Tại ngày 01/01/2017	309.956.786.681	74.352.711.332	19.978.853.590	2.923.983.420	3.496.154.314	410.708.489.337
<b>Tại ngày 30/06/2017</b>	<b>322.360.671.081</b>	<b>72.020.895.679</b>	<b>21.628.212.403</b>	<b>2.656.400.147</b>	<b>3.003.254.037</b>	<b>421.669.433.347</b>

Giá trị còn lại tại ngày 30/06/2017 của TSCĐ với số tiền là 235.379.676.502 VND đã được dùng để đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm mục 4.13.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 53.936.119.688 VND.

Các cam kết về việc mua TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai là 4.897.312.302 VND



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**4.7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm kế toán và các phần mềm khác VND	Cộng VND
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2017	1.818.363.207	2.543.238.107	4.361.601.314
<b>Tại ngày 30/06/2017</b>	<b>1.818.363.207</b>	<b>2.543.238.107</b>	<b>4.361.601.314</b>
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2017	1.818.363.207	674.171.622	2.492.534.829
Khấu hao trong kỳ	-	215.386.536	215.386.536
<b>Tại ngày 30/06/2017</b>	<b>1.818.363.207</b>	<b>889.558.158</b>	<b>2.707.921.365</b>
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2017	-	1.869.066.485	1.869.066.485
<b>Tại ngày 30/06/2017</b>	<b>-</b>	<b>1.653.679.949</b>	<b>1.653.679.949</b>

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 1.945.463.207 VND.

**4.8. Chi phí trả trước**

	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Ngắn hạn:		
Tiền mua bảo hiểm chờ phân bổ	147.676.633	292.033.051
Dài hạn:		
Tiền thuê đất trả trước (*)	27.167.711.130	27.395.984.694

(\*) Tiền thuê đất trả trước là khoản tiền Công ty đã ứng ra để đền bù khu đất 3 ha và khu đất 157.544,4 m<sup>2</sup> số tiền này được cân trừ vào tiền thuê đất hàng năm mà Công ty phải nộp cho Ngân sách nhà nước (Cục thuế Tỉnh Đồng Nai). Ngày 24/09/2015, Cục thuế Tỉnh Đồng Nai có Thông báo số 687/TB.CT.QLCKTTD và 120/TB.CT.QLCKTTD cho phép Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai quy đổi số tiền còn phải cân trừ còn lại tương ứng với thời gian hoàn thành nghĩa vụ nộp tiền thuê đất đến hết thời hạn thuê đất.

(Xem trang tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.9. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2017 VND		Tại ngày 01/01/2017 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Dịch Vụ Hàng Hải HPS Marine	10.782.963.000	10.782.963.000	-	-
Phải trả cho các đối tượng khác	23.359.471.605	23.359.471.605	36.972.605.678	36.972.605.678
Phải trả cho các bên liên quan – Xem thêm mục 4.28	9.492.907.627	9.492.907.627	5.153.323.094	5.153.323.094
<b>Cộng</b>	<b><u>43.635.342.232</u></b>	<b><u>43.635.342.232</u></b>	<b><u>42.125.928.772</u></b>	<b><u>42.125.928.772</u></b>

(Xem trang tiếp theo)



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI**

1B-D3, Khu phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân,  
TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

Khoản mục	Tại ngày 30/06/2017 VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Thuế GTGT	974.770.040	8.118.034.166	7.677.936.011	534.671.885
Thuế thu nhập cá nhân	216.375.765	1.390.561.002	1.455.639.056	281.453.819
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.659.344.792	4.485.353.779	2.754.960.286	928.951.299
Thuế nhà đất và tiền thuế đất, thuế môn bài	51.399.898	1.747.484.986	1.726.934.088	30.849.000
<b>Cộng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</b>	<b>3.901.890.495</b>	<b>15.741.433.933</b>	<b>13.615.469.441</b>	<b>1.775.926.003</b>

(Xem trang tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.11. Phải trả người lao động

Là khoản phải trả cho cán bộ, công nhân viên theo quỹ lương kế hoạch năm 2017 được phê duyệt.

4.12. Phải trả khác

	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Ngắn hạn:		
Khoản nhận bồi thường vụ va quệt cầu cảng đã nhận nhưng chưa triển khai sửa chữa tài sản	1.583.107.421	-
Phải trả về tiền đền bù trạm nước Xã Phước Thái, nạo vét luồng vào Cảng Gò Dầu	1.373.382.250	1.373.382.250
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	89.304.895	19.713.845
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.321.582.831	1.433.887.903
<b>Cộng</b>	<b>4.367.377.397</b>	<b>2.826.983.998</b>
Dài hạn:		
Phải trả Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam tiền hỗ trợ giải phóng mặt bằng cho người dân	16.530.632.897	10.877.057.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	7.010.957.325	7.003.957.325
<b>Cộng</b>	<b>23.541.590.222</b>	<b>17.881.014.325</b>

(Xem trang tiếp theo)



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

## 4.13. Vay

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2017 VND		Trong kỳ VND		Tại ngày 01/01/2017 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	97.759.975.171	97.759.975.171	100.614.624.894	107.413.629.324	104.558.979.601	104.558.979.601
Vay dài hạn	153.929.602.500	153.929.602.500	7.999.362.470	13.610.066.447	159.540.306.477	159.540.306.477
<b>Tổng cộng</b>	<b>251.689.577.671</b>	<b>251.689.577.671</b>	<b>108.613.987.364</b>	<b>121.023.695.771</b>	<b>264.099.286.078</b>	<b>264.099.286.078</b>

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

Vay ngắn hạn	Loại tiền	Lãi suất	Tại ngày	
			30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	VND	6,3%/năm	-	13.647.436.744
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	VND	5,5% - 6,3%/năm	70.631.778.524	37.975.965.075 (a)
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	VND	5,67%/năm	-	25.881.317.382
Vay dài hạn đến hạn trả				
Quý Đầu Tư Phát Triển	VND	7% - 7,5%/năm	11.820.000.000	12.546.000.000 (b)
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	VND	8,5%/năm	5.824.800.000	5.824.800.000 (c)
Ngân hàng TMCP Phương Đông	VND	8,63%-8,7%/năm	5.503.460.400	5.503.460.400 (d)
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	VND	8,7%/năm	3.979.936.247	3.180.000.000 (e)
<b>Cộng</b>			<b>97.759.975.171</b>	<b>104.558.979.601</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

Khoản vay dài hạn	Loại tiền	Lãi suất	Tại ngày	Tại ngày
			30/06/2017	01/01/2017
			VND	VND
Quý Đầu Tư Phát Triển	VND	7% - 7,5%/năm	67.208.109.247	72.764.109.247 (b)
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	VND	8,5%/năm	16.488.447.961	19.400.847.961 (c)
Ngân hàng TMCP Phương Đông	VND	8,63%-8,7%/năm	39.487.285.736	42.239.015.936 (d)
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	VND	8,7%/năm	30.745.759.556	25.136.333.333 (e)
<b>Cộng</b>			<b>153.929.602.500</b>	<b>159.540.306.477</b>

Thông tin về tài sản cầm cố, thế chấp đảm bảo cho các khoản vay như sau:

- (a) Khoản vay không có tài sản đảm bảo;
- (b) Khoản vay được đảm bảo bằng:
- Bền tàu 30.000 DWT;
  - Cầu cảng LBT bến 2000 tấn;
  - Cầu cảng LBT bến 5000 tấn;
  - Cầu nối 2 khu vực;
  - Nâng cấp bến 2000 lên 5000 DWT;  
 (Hợp đồng thế chấp tài sản số 23/2013/HĐTC-TD ngày 09/12/2013)
  - 2 cầu Liebherr (Hợp đồng thế chấp tài sản số 33/2014.HĐTC-TD ngày 24/12/2014);
  - 01 xe Toyota Altis 60V 9433;
  - 01 xe Inova 60S-4612;
  - 01 máy đào bánh xích 60XA-0660;
  - 01 máy đào bánh xích 60XA-0659;
  - 01 trạm cán 80T-GDB;
  - 01 xe nâng container 45 tấn hiệu Kalmar Reachstacker.  
 (Hợp đồng thế chấp tài sản số 47/2012/HĐTC-TD ngày 25/12/2012 và tài sản hình thành sau đầu tư).



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

(c) Khoản vay được đảm bảo bằng:

- Toàn bộ công trình xây dựng trên đất và tài sản đầu tư trên đất, khoản tiền bảo hiểm đối với tài sản của dự án nâng cấp mở rộng cầu cảng số 2 (bên sà lan 3.000 DWT) tại Phường Long Bình Tân, Đồng Nai (Theo hợp đồng thế chấp số 094/14/VCB.BH);
- Chân đế trụ cầu thuộc công trình bên sà lan 3.000 DWT tại phường Long Bình Tân;
- 01 cầu bở cố định 40T/30M-Macgregor GL4030-2;  
(Theo hợp đồng thế chấp số 211/14/VCB.BH).
- Công trình đồng bộ - nhà kho CFS diện tích 5.250m<sup>2</sup> (thuộc dự án mở rộng Cảng Đồng Nai giai đoạn 2 tại Phường Long Bình Tân, Biên Hòa, Đồng Nai) (Theo hợp đồng thế chấp số 054.13).

(d) Khoản vay được đảm bảo bằng:

- Quyền sử dụng đất hình thành trong tương lai từ dự án mở rộng Cảng Đồng Nai giai đoạn 2B tại Phường Long Bình Tân, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai với diện tích 55.288m<sup>2</sup> (Hợp đồng thế chấp tài sản số 0145/2015/BĐ);
- Thửa đất số 575/TLBV dự án đầu tư mở rộng Cảng Đồng Nai tại Phường Long Bình Tân, diện tích 91.843m<sup>2</sup> (Hợp đồng thế chấp tài sản số 197/2014/BĐ).

(e) Khoản vay được đảm bảo bằng:

- Tất cả các khoản lợi thu được từ việc kinh doanh, khai thác giá trị quyền sử dụng đất hoặc hạ tầng kỹ thuật trên đất, các khoản lợi thu được từ việc kinh doanh, khai thác bãi hoặc hạ tầng kỹ thuật trên bãi, quyền nhận tiền từ hợp đồng, quyền đối nợ, quyền được nhận số tiền bảo hiểm, quyền nhận các khoản tiền bồi thường phạt vi phạm,... và tất cả các quyền và lợi ích phát sinh từ hợp đồng thuê quyền sử dụng đất 157.544,4 m<sup>2</sup> tại Xã Phước Thái, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai và bãi cấp phối sỏi đồ 7, 15 ha và 2, 17 ha thuộc dự án Cảng Gò Dầu B giai đoạn 2 tại Xã Phước Thái, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai (Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/CĐN/2015/HĐTC).
- Tất cả các khoản lợi từ việc kinh doanh, khai thác đất, bãi, hạ tầng kỹ thuật trên đất, bãi quyền nhận tiền từ hợp đồng, quyền đòi nợ, quyền được nhận số tiền bảo hiểm, quyền nhận các khoản tiền bồi thường phạt vi phạm và tất cả các quyền và lợi ích phát sinh từ hợp đồng thuê bãi cấp phối sỏi đồ 2, 7 ha và 4 ha thuộc dự án Cảng Gò Dầu B giai đoạn 2 tại Xã Phước Thái, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai (Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/CĐN/2017/HĐTC).

(Xem trang tiếp theo)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**4.14. Dự phòng phải trả**

	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Trích trước quỹ dự phòng tiền lương	7.924.000.000	7.924.000.000
Trích trước chi phí sửa chữa tài sản cố định	9.181.600.000	-
<b>Cộng</b>	<b>17.105.600.000</b>	<b>7.924.000.000</b>

*(Xem trang tiếp theo)*



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

## 4.15. Vốn chủ sở hữu

## 4.15.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu						Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND		
Số dư tại ngày 01/01/2016	123.479.870.000	74.434.806.545	103.270.951.688	5.823.245.177	27.940.031.978	334.948.905.388	
Lãi trong 6 tháng đầu năm trước	-	-	-	-	30.805.262.847	30.805.262.847	
Trích các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	5.245.133	1.928.875.626	(1.934.120.759)	-	
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(2.143.244.596)	(2.143.244.596)	
Chia cổ tức	-	-	-	-	(20.991.577.900)	(20.991.577.900)	
Số dư tại ngày 30/06/2016	123.479.870.000	74.434.806.545	103.276.196.821	7.752.120.803	33.676.351.570	342.619.345.739	
Lãi trong 6 tháng cuối năm trước	-	-	-	-	35.181.571.666	35.181.571.666	
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	25.040.121.613	-	(25.040.121.613)	-	
Trích quỹ chi công tác xã hội	-	-	-	-	(1.446.656.720)	(1.446.656.720)	
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(2.453.145.655)	(2.453.145.655)	
Trích quỹ khen thưởng ban điều hành	-	-	-	-	(482.218.907)	(482.218.907)	
Số dư tại ngày 01/01/2017	123.479.870.000	74.434.806.545	128.316.318.434	7.752.120.803	39.435.780.341	373.418.896.123	
Lãi trong 6 tháng đầu năm nay	-	-	-	-	41.694.455.821	41.694.455.821	
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	3.364.566.304	-	(3.364.566.304)	-	
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(2.503.434.718)	(2.503.434.718)	
Trích quỹ chi công tác xã hội	-	-	-	-	(625.951.000)	(625.951.000)	
Trích quỹ khen thưởng ban điều hành	-	-	-	-	(474.700.000)	(474.700.000)	
Chia cổ tức	-	-	-	-	(30.869.967.500)	(30.869.967.500)	
Số dư tại ngày 30/06/2017	123.479.870.000	74.434.806.545	131.680.884.738	7.752.120.803	43.291.616.640	380.639.298.726	

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**4.15.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Vốn góp của công ty mẹ	62.974.800.000	62.974.800.000
Vốn góp của các đối tượng khác	60.505.070.000	60.505.070.000
<b>Cộng</b>	<b>123.479.870.000</b>	<b>123.479.870.000</b>

**4.15.3. Cổ phiếu**

	Tại ngày 30/06/2017	Tại ngày 01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.347.987	12.347.987
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.347.987	12.347.987
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.347.987	12.347.987

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần.

**4.15.4. Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	41.694.455.821	30.805.262.847
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(5.003.334.699)	(2.045.656.498)
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty	36.691.121.122	28.759.606.349
Số cổ phần lưu hành bình quân trong kỳ	12.347.987	12.347.987
<b>Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>2.971</b>	<b>2.329</b>

**4.15.5. Các quỹ của doanh nghiệp**

	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND
Tại ngày 01/01/2017	128.316.318.434	7.752.120.803
Trích trong kỳ	3.364.566.304	-
<b>Tại ngày 30/06/2017</b>	<b>131.680.884.738</b>	<b>7.752.120.803</b>

**4.16. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

	Tại ngày 30/06/2017	Tại ngày 01/01/2017
Ngoại tệ các loại: USD	98.001,86	49.950,06



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**4.17. Doanh thu cung cấp dịch vụ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	240.994.371.388	185.590.195.774
Doanh thu đối với các bên liên quan – xem thêm mục 4.28	560.064.297	826.503.273
<b>Cộng</b>	<b>241.554.435.685</b>	<b>186.416.699.047</b>

**4.18. Giá vốn hàng bán**

Là giá vốn của dịch vụ đã cung cấp.

**4.19. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.236.950.000	1.224.450.000
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	430.230.683	542.225.405
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	-	162.924.596
<b>Cộng</b>	<b>2.667.180.683</b>	<b>1.929.600.001</b>

**4.20. Chi phí tài chính**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền vay	8.590.420.383	9.934.317.717
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	132.430	89.190.000
<b>Cộng</b>	<b>8.590.552.813</b>	<b>10.023.507.717</b>

**4.21. Chi phí bán hàng**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí hoa hồng, môi giới	3.010.850.230	1.952.878.627
Chi phí nhân viên	1.257.990.807	1.504.813.361
Chi phí bằng tiền khác	1.427.993.854	1.635.915.447
<b>Cộng</b>	<b>5.696.834.891</b>	<b>5.093.607.435</b>

(Xem trang tiếp theo)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**4.22. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	8.614.369.618	7.095.592.292
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.578.814.268	4.302.750.828
Chi phí khác bằng tiền	6.111.437.411	3.417.596.275
Dự phòng/(hoàn nhập) các khoản phải thu khó đòi	(678.835.116)	349.749.379
<b>Cộng</b>	<b>18.625.786.181</b>	<b>15.165.688.774</b>

**4.23. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.394.053.334	3.122.655.459
Chi phí nhân công	32.344.643.565	26.657.612.099
Chi phí khấu hao tài sản cố định	18.094.751.668	15.084.523.118
Chi phí dịch vụ mua ngoài	120.233.608.239	91.511.574.184
Chi phí khác bằng tiền	16.457.697.127	9.737.987.895
Chi phí dự phòng	(678.835.116)	349.749.379
<b>Cộng</b>	<b>189.845.918.817</b>	<b>146.464.102.134</b>

**4.24. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập tính thuế kỳ hiện hành được xác định như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong kỳ	46.179.809.600	32.489.628.811
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	513.237.877	854.404.244
Thu nhập chịu thuế từ hoạt động kinh doanh	46.693.047.477	33.344.033.055
Thu nhập được miễn thuế (Cổ tức và lợi nhuận được chia)	(2.236.950.000)	(1.224.450.000)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	44.456.097.477	32.119.583.055
Trong đó:		
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính áp dụng thuế suất ưu đãi (10%)	44.058.657.166	31.631.971.871
Thu nhập tính thuế từ hoạt động khác áp dụng thuế suất phổ thông	397.440.311	487.611.184
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính	4.405.865.717	3.163.197.187
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh khác	79.488.062	97.522.237
Trừ: Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính được giảm 50% số thuế phải nộp	-	(1.581.598.594)
Điều chỉnh thuế TNDN năm trước	-	5.245.134
<b>Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập tính thuế kỳ hiện hành</b>	<b>4.485.353.779</b>	<b>1.684.365.964</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí khi tính thuế.

**4.25. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	95.003.920.917	72.611.668.044

**4.26. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ**

	Kỳ này VND	Kỳ này VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(107.413.629.324)	(71.015.088.605)

**4.27. Báo cáo bộ phận**

Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh vì Công ty chỉ có hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ cảng biển.

Công ty không có báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì hoạt động của Công ty chủ yếu là dịch vụ cảng biển tại khu vực Đồng Nai, do đó không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo khu vực địa lý cần thiết phải thuyết minh.

**4.28. Thông tin về các bên có liên quan**

Danh sách các bên liên quan

1. Tổng Công ty Cổ Phần Phát Triển Khu Công Nghiệp
2. Công ty Cổ Phần Cảng Long Thành
3. Công ty Cổ Phần Dịch vụ Cảng Đồng Nai
4. Các công ty con, công ty liên kết thuộc Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu Công nghiệp
5. Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị

Mối quan hệ

- Công ty mẹ  
 Công ty liên kết  
 Công ty liên kết  
 Công ty cùng tập đoàn  
 Nhân sự quản lý chủ chốt

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Phải thu:		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Đồng Nai	48.454.010	88.153.461
Công ty Cổ phần Cảng Long Thành	20.688.990	-
<b>Cộng – Xem thêm mục 4.3</b>	<b>69.143.000</b>	<b>88.153.461</b>

(Xem trang tiếp theo)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Phải trả:		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Đồng Nai	(9.277.764.207)	(4.928.956.204)
Công ty Cổ phần Cảng Long Thành	-	(71.504.430)
Các công ty cùng tập đoàn	(215.143.420)	(152.862.460)
<b>Cộng – Xem thêm mục 4.9</b>	<b>(9.492.907.627)</b>	<b>(5.153.323.094)</b>

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Cung cấp dịch vụ:		
Công ty Cổ phần Cảng Long Thành	255.686.522	372.822.883
Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Đồng Nai	304.377.775	453.680.390
<b>Cộng – Xem thêm mục 4.17</b>	<b>560.064.297</b>	<b>826.503.273</b>

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Mua dịch vụ:		
Công ty Cổ phần Dịch Vụ Cảng Đồng Nai	25.641.506.300	15.073.834.235
Công ty Cổ phần Cảng Long Thành	124.769.100	29.946.000
Các công ty cùng tập đoàn	1.205.459.979	837.457.680
<b>Cộng</b>	<b>26.971.735.379</b>	<b>15.941.237.915</b>

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong kỳ như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Thù lao và thu nhập	2.521.901.000	1.875.999.326

**4.29. Thu nhập Ban kiểm soát**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền lương và các chi phí hoạt động	409.362.000	100.248.800

(Xem trang tiếp theo)



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**4.30. Cam kết theo các hợp đồng thuê hoạt động**

Công ty thuê đất của Nhà nước theo các hợp đồng thuê hoạt động. Các hợp đồng thuê có kỳ hạn trung bình là 50 năm với tiền thuê cố định mỗi kỳ:

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Chi phí thuê hoạt động ghi nhận trong kỳ	1.692.801.245	1.387.398.248

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, Công ty có các khoản cam kết phải trả đến hạn theo các hợp đồng thuê đất với đơn giá thuê đất ổn định trong giai đoạn từ năm 2016 đến năm 2020 không hủy ngang như sau:

	<u>Tại ngày 30/06/2017 VND</u>	<u>Tại ngày 01/01/2017 VND</u>
Từ 1 năm trở xuống	3.356.346.428	3.356.346.428
Trên 1 năm đến 5 năm	13.425.385.712	13.425.385.712
Trên 5 năm	93.307.935.153	94.986.108.367
<b>Cộng</b>	<u><b>110.089.667.293</b></u>	<u><b>111.767.840.507</b></u>

**4.31. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày phát hành báo cáo tài chính.



**Nguyễn Ngọc Tuấn**  
Tổng Giám đốc  
Đồng Nai, ngày 14 tháng 6 năm 2017



**Huỳnh Ngọc Tuấn**  
Kế toán trưởng



**Vũ Thị Quỳnh Trang**  
Người lập biểu